

## TỪ ĐỒNG ÂM

### *Bài tập*

1. Bài tập 1, trang 136, SGK.
2. Bài tập 2, trang 136, SGK.
3. Bài tập 3, trang 136, SGK.
4. Bài tập 4, trang 136, SGK.
5. Trong những từ in đậm ở các câu sau đây, từ in đậm ở câu nào là từ đồng âm với những từ in đậm trong tất cả các câu còn lại ?

(1) *đường*

- a) Con **đường** này rất đẹp.
- b) Năm hai mươi một tuổi, Bác Hồ đã ra đi tìm **đường** cứu nước.
- c) Loại **đường** này rất ngọt.
- d) **Đường** học hành của nó gặp rất nhiều trắc trở.

(2) *bò*

- a) Trẻ em ba tháng biết lẫy, bảy tháng biết **bò**.
- b) Nông trường này nuôi rất nhiều **bò** sữa.
- c) Chiếc xe ì ạch **bò** lên dốc.
- d) Dây khoai **bò** khắp vườn.

(3) *chín*

- a) Dân tộc ta đã trải qua **chín** năm trường kì kháng chiến chống Pháp.
- b) Cơm đã **chín**.
- c) Quả trên cây đã **chín**.
- d) Không nên làm khi suy nghĩ chưa **chín**.

6. Tìm từ ứng với mỗi nghĩa đã cho. Sử dụng các kí hiệu đặt trước mỗi lời giải nghĩa và mỗi câu để trình bày kết quả.

(1) Nghĩa của các từ *đông* đồng âm :

- a) Mùa lạnh nhất trong bốn mùa của một năm.
- b) Chuyển từ trạng thái lỏng sang trạng thái rắn.
- c) Có nhiều người tụ tập lại cùng một nơi.
- d) Một trong bốn phương chính, ở về phía mặt trời mọc.

Câu : [1] Ở đây, ngày Tết, nhà nào cũng có một nồi thịt **đông**.

[2] Nước ta phía **đông** giáp biển.

[3] **Đông** tàn rồi lại sang xuân.

[4] Ngày chủ nhật, công viên rất **đông** người.

(2) Nghĩa của từ *giá* đồng âm :

- a) Mầm đậu xanh, đậu tương chưa mọc lá.
- b) Đồ dùng để treo, gác hay đỡ vật gì.
- c) Trạng thái lạnh buốt.
- d) Biểu hiện giá trị bằng tiền.
- e) Từ dùng để giả thiết.

Câu : [1] Nước lạnh buốt, cho thêm nước nóng cho tan **giá**.

[2] **Giá** cần thận một chút thì đậu đến nổi.

[3] Trên **giá** có rất nhiều sách.

[4] Nó rất thích ăn **giá** sống.

[5] Cuốn sách này **giá** rất đắt.

(3) Nghĩa của các từ *đồ* đồng âm :

- a) Người sống bằng nghề dạy chữ nho thời trước.
- b) Vật do con người tạo ra để dùng trong đời sống thường ngày.
- c) Viết hoặc vẽ đề lên những nét đã có sẵn.
- d) Nấu trong nồi chõ cho chín nhờ sức nóng của hơi nước.
- e) Dựa vào điều đã biết để đoán chừng.

- Câu : [1] *Nam giúp mẹ **đố** xôi.*  
 [2] *Cửa hàng này bán **đố** gôm.*  
 [3] *Chẳng tham ruộng cả ao liền,  
 Tham vì cái bút cái nghiên anh **đố**.*  
 [4] *Vào lớp Một các em bắt đầu **đố** chữ.*  
 [5] *Tôi **đố** rằng anh ấy đã có ý định mới.*

### **Gợi ý làm bài**

1. Làm theo mẫu. Không cần giải thích nghĩa của từ đã cho, chỉ cần thêm một số từ ngữ khác kết hợp với từ đó để làm rõ nghĩa của từ. Chú ý phân biệt từ đồng âm và từ nhiều nghĩa. Từ nhiều nghĩa là từ có nhiều nghĩa khác nhau nhưng các nghĩa ấy có liên quan với nhau. Ví dụ : *ăn* là một từ nhiều nghĩa : *ăn cơm, ăn đòn, ăn lương...* Còn từ đồng âm là những từ giống nhau về âm thanh nhưng ý nghĩa khác xa nhau, không liên quan đến nhau. Ví dụ : *phương bắc* và *bắc cầu*.

2. a) Trước hết, cần tìm nghĩa của danh từ *cổ*:

- Nghĩa của *cổ* trong *khăn quàng cổ, hươu cao cổ*.
- Nghĩa của *cổ* trong *cổ áo*.
- Nghĩa của *cổ* trong *cổ chai*.

Từ đó tìm ra mối liên quan giữa các nghĩa của danh từ *cổ*.

b) Từ đồng âm với danh từ *cổ* là tính từ *cổ* có nghĩa khác xa, không liên quan gì với nghĩa của danh từ *cổ*.

Có thể tra từ điển để biết nghĩa của danh từ *cổ* và từ đồng âm với danh từ *cổ*.

3. Mẫu : *Em cháu **năm** nay vừa tròn **năm** tuổi.*

4. Anh chàng bị kiện lợi dụng từ đồng âm để cãi. Xử kiện như thế nào là tuy sáng kiến của em.

5. Đây là bài tập phân biệt từ đồng âm với từ nhiều nghĩa. Mỗi đề nhỏ cho bốn câu trong đó có ba câu sử dụng các từ (in đậm) có nghĩa khác nhau, nhưng đó là những nghĩa khác nhau của một từ đa nghĩa ; chỉ có một câu chứa từ in đậm đồng âm với từ nhiều nghĩa.

Ghi kí hiệu chữ cái của câu có chứa từ in đậm đồng âm với 3 từ in đậm trong ba câu còn lại vào đáp án.

6. Lần lượt xét từng câu một, đối chiếu với các nghĩa đã cho để tìm nghĩa thích hợp của từ in đậm ở mỗi câu. Ghi kí hiệu chữ số trong ô vuông của câu và kí hiệu chữ cái của nghĩa vào đáp án.

Mẫu : *đông*: [1] b ; [2] d ; [3]...